|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phụ lục VI CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (PAR INDEX CẤP TỈNH) VỀ PHÂN CẤP VÀ ÁP DỤNG ISO TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN  HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH** *(Kèm theo Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 06 /01/2022 của UBND tỉnh)* | | | | | |
| **STT** | **Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần** | **Điểm tối đa** | **Điểm tự đánh giá** | **Tài liệu kiểm chứng, giải trình** |
|
| ***4.3.*** | ***Thực hiện phân cấp quản lý*** | **1** |  |  |
| ***4.3.1.*** | Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành | 0.25 |  |  |
|  | *Thực hiện đầy đủ các quy định: 0.25* |  |  |  |
| *Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0* |  |  |  |
| ***4.3.2.*** | Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã | 0.25 |  |  |
|  | *Có thực hiện: 0.25* |  |  |  |
| *Không thực hiện: 0* |  |  |  |
| ***4.3.3.*** | Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua thanh tra, kiểm tra | 0.5 |  |  |
|  | *100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5* |  |  |  |
| *Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0* |  |  |  |
| ***7.*** | **HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH** | **1** |  |  |
| ***7.4.*** | ***Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định*** | **1** |  |  |
| ***7.4.1.*** | Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện công bố ISO 9001 đúng quy định | 0.5 |  |  |
|  | *100% số cơ quan, đơn vị: 0.5* |  |  |  |
| *Dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0* |  |  |  |
| ***7.4.2.*** | Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định | 0.5 |  |  |
|  | *100% số cơ quan, đơn vị: 0.5* |  |  |  |
| *Dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0* |  |  |  |
|  | **TỔNG ĐIỂM** | **2** |  |  |